Bài 5. NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguyên tử khối là khối lượng nguyên tử tính theo đơn vị ….

A. kilogam B. gam

C. đơn vị cacbon (đvC) D. đơn vị oxi

Câu 2. Chọn lựa chọn ĐÚNG NHẤT. Kí hiệu hóa học cho biết:

A. Tên nguyên tố

B. Chỉ một nguyên tử của nguyên tố

C. Nguyên tử khối của nguyên tố

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 3. Dãy kí hiệu ĐÚNG các nguyên tố là

A. Kali (K) ; clo (Cl) ; đồng (Cu)

B. Natri (NA) ; sắt (FE); oxi (O)

C. Magie (Mg) ; canxi (CA) ; photpho (P)

D. Nhôm (AL) ; thủy ngân (Hg) ; bari (Ba).

Câu 4. Phát biểu nào sau đây là ĐÚNG?

A. Nguyên tố hóa học chỉ tồn tại ở dạng hóa hợp

B. Nguyên tố hóa học có thể tồn tại ở dạng tự do và phần lớn ở dạng hóa hợp

C. Nguyên tố hóa học có nhiều hơn số chất

D. Nguyên tố hóa học chỉ tồn tại ở dạng tự do.

Câu 5. Dãy nguyên tố nào sau đây được xếp theo thứ tự tăng dần về hàm lượng trong vỏ Trái Đất?

A. Ca ; Fe ; Al ; Si ; O

B. Fe ; Al ; Ca ; Si ; O

C. Ca ; Al ; Fe ; O ; Si

D. Si ; O ; Fe ; Al ; Ca

Câu 6. Nguyên tố X có nguyên tử khối bằng 3,5 làn nguyên tử khối oxi. X là

A. Ca B. Na C. K D. Fe

Câu 7. Biết $\frac{1}{4}$ nguyên tử X nặng bằng $\frac{1}{3}$ nguyên tử K. Tên và kí hiệu của nguyên tố X là

A. Sắt (Fe) B. Crom (Cr) C. Kẽm (Zn) D. Đống (Cu)

II. TỰ LUẬN

Câu 1. a) Các cách viết 2C, 5O, 3Ca lần lượt chỉ ý gì ?

b) Hãy dùng chữ số và kí hiệu hóa học diễn đạt các ý sau : ba nguyên tử nitơ, bảy nguyên tử canxi, bốn nguyên tử natri.

Câu 2. Biết nguyên tố R có nguyên tử khối gấp 1,4 lần nguyên tử khối của canxi. Hãy xác định tên và kí hiệu hóa học của nguyên tố R.

Câu 3. Biết 1đvC = $1,66.10^{-24}$ gam. Nguyên tử (Z) nặng $5,312.10^{-23}$ gam. Hãy xác định tên và ký hiệu của nguyên tố (Z).

Câu 4. Biết nguyên tử C có khối lượng bằng $1,9926.10^{-23}$ gam. Hãy tính khối lượng của nguyên tử Na, Fe, Al, Cu và Zn.